

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2019

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giữ: 0
	Ngày: 28/6/2019

NGHỊ ĐỊNH

Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật điều ước quốc tế ngày 09 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương cùng các văn kiện liên quan ngày 12 tháng 11 năm 2018;

Để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là Hiệp định CPTPP) giai đoạn 2019 - 2022 và điều kiện được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.
3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn 2019 - 2022

1. Ban hành kèm theo Nghị định này:

a) Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi để thực hiện Hiệp định CPTPP.

b) Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP; Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP.

2. Cột “Mã hàng” và cột “Mô tả hàng hóa” tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và chi tiết theo cấp mã 8 số hoặc 10 số. Việc áp dụng cột “Mô tả hàng hóa” chi tiết đến cấp độ 8 số theo Nghị định này được thực hiện theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Phân loại hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cột “Thuế suất (%)” tại Phụ lục I và Phụ lục II, cột “Mức thuế tuyệt đối (USD/chiếc)” tại Phụ lục II: Mức thuế tương ứng với các nước được hưởng ưu đãi áp dụng cho các giai đoạn theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 5 Điều 5 Nghị định này.

4. Cột “Ghi chú” tại Phụ lục II bao gồm các ký hiệu:

a) Ký hiệu “TRQ1”: Các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan theo lượng hạn ngạch thuế quan hàng năm theo quy định của Bộ Công Thương.

b) Ký hiệu “TRQ2”: Các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan theo lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP theo quy định của Bộ Công Thương.

c) Ký hiệu “*”: Hàng hóa nhập khẩu không được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Hiệp định CPTPP.

Điều 4. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi thực hiện Hiệp định CPTPP

1. Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo các giai đoạn khi xuất khẩu sang từng nước quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đối với từng mã hàng.

2. Các mặt hàng không thuộc Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này được áp dụng mức thuế suất 0% khi xuất khẩu sang lãnh thổ các nước quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

3. Thuế suất áp dụng cho giai đoạn 2019 - 2022:

a) Liên bang Mê-hi-cô áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

a.1) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại cột có ký hiệu “(I)”.

a.2) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại cột có ký hiệu “(II)”.

a.3) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại cột có ký hiệu “(III)”.

a.4) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

b) Các nước Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Nhật Bản, Niu Di-lân, Cộng hòa Xinh-ga-po áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

b.1) Từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại cột có ký hiệu “(II)”.

b.2) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại cột có ký hiệu “(III)”.

b.3) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

b.4) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại cột có ký hiệu “(V)”.

4. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định CPTPP

Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Được nhập khẩu vào lãnh thổ các nước theo quy định tại Hiệp định CPTPP, bao gồm:

- a.1) Ô-xtrây-li-a;
- a.2) Ca-na-đa;
- a.3) Nhật Bản;
- a.4) Liên bang Mê-hi-cô;
- a.5) Niu Di-lân;
- a.6) Cộng hòa Xinh-ga-po;

b) Có chứng từ vận tải (bản chụp) thể hiện đích đến thuộc lãnh thổ các nước được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

c) Có tờ khai hải quan nhập khẩu của lô hàng xuất khẩu từ Việt Nam nhập khẩu vào lãnh thổ các nước được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (bản chụp và bản dịch tiếng Anh hoặc tiếng Việt trong trường hợp ngôn ngữ sử dụng trên tờ khai không phải là tiếng Anh).

5. Thủ tục áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi thực hiện Hiệp định CPTPP

a) Tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan thực hiện khai tờ khai xuất khẩu, áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu, tính thuế và nộp thuế theo Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ (Nghị định số 125/2017/NĐ-CP) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

b) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu, người khai hải quan nộp đầy đủ chứng từ chứng minh hàng hóa thỏa mãn quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này (01 bản chụp) và thực hiện khai bổ

sung để áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định CPTPP. Quá thời hạn 01 năm nêu trên, hàng hóa xuất khẩu không được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định CPTPP.

c) Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; nếu hàng hóa xuất khẩu đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này thì áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định CPTPP và thực hiện xử lý tiền thuế nộp thừa cho người khai hải quan theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 5. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định CPTPP; Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP

1. Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định CPTPP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, các mặt hàng áp dụng hạn ngạch thuế quan theo các giai đoạn được nhập khẩu từ các nước quy định tại điểm b khoản 6 Điều này đối với từng mã hàng.

2. Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với xe ô tô đã qua sử dụng áp dụng hạn ngạch thuế quan để thực hiện Hiệp định CPTPP quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, mức thuế suất tuyệt đối theo các giai đoạn được nhập khẩu từ các nước quy định tại điểm b khoản 6 Điều này đối với từng mã hàng.

3. Thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng thuộc các nhóm 87.02, 87.03, 87.04 áp dụng hạn ngạch thuế quan được thực hiện như sau:

a) Đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu trong lượng hạn ngạch thuế quan thực hiện Hiệp định CPTPP, thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là mức thuế hỗn hợp bao gồm: mức thuế suất (%) và mức thuế tuyệt đối của xe ô tô đã qua sử dụng quy định tại Danh mục hàng hóa và thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

Số tiền thuế áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng = $X + Y$.